

Vietnam Daily Review

Trở về ngưỡng 1350 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/6/2021		•	
Tuần 14/6-18/6/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên điều chỉnh hôm qua, VN-Index đã hồi phục mạnh mẽ trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư chảy mạnh vào thị trường với 18/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản giảm nhẹ so với phiên hôm trước. Với dòng tiền nội và ngoại đều củng cố đà tăng thị trường, VN-Index có thể sẽ vận động trong vùng điểm 1330-1380 vào tuần sau.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/6/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: BVH_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+28.16 điểm**, đóng cửa **1351.74**. HNX-Index **+5.37 điểm**, đóng cửa **316.69**.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+3.47)**; **TCB (+2.40)**; **VHM (+1.75)**; **BID (+1.43)**; **VIC (+1.39)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.11)**; **SBT (-0.07)**; **VPB (-0.06)**; **VCG (-0.04)**; **HPX (-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,295 tỷ đồng**, **-3.55%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 23,756 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 30.39 điểm. Thị trường có **203** mã tăng, 46 mã tham chiếu và **104** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **610.09 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **PLX (139.6 tỷ)**, **VHM (96.4 tỷ)** và **KDH (72.0 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **8.77 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1351.74**
Giá trị: 22583.37 tỷ **28.16 (2.13%)**
Khối ngoại (ròng): 610.09 tỷ

HNX-INDEX **316.69**
Giá trị: 3515.2 tỷ **5.37 (1.72%)**
Khối ngoại (ròng): 8.77 tỷ

UPCOM-INDEX **88.93**
Giá trị: 1557.9 tỷ **1.76 (2.02%)**
Khối ngoại(ròng): 22.86 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	70.4	0.11%
Giá vàng	1,894	-0.22%
Tỷ giá USD/VND	22,973	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,939	-0.02%
Tỷ giá JPY/VND	20,974	-0.14%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	14.57%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-1.77%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	139.6	DXG	-133.8
VHM	96.4	HPG	-75.8
KDH	72.0	GEX	-44.1
STB	67.7	LPB	-30.2
PDR	47.8	VIC	-15.3
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 11/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	69.89	-0.57%	0.40%	7.00%	80.22%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	72.09	-0.59%	0.30%	4.30%	64.70%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	220.18	-0.47%	-0.40%	3.10%	80.14%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1900.46	0.10%	0.50%	4.70%	7.47%		PNJ
Bạc	USD/ounce	28.03	0.13%	0.80%	3.70%	56.17%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1459.50	0.00%	1.70%	2.00%	66.85%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	691.00	0.18%	-0.20%	-6.60%	28.86%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.20	0.00%	-0.60%	-9.50%	6.24%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	216.82	-0.89%	-2.40%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.73	-0.11%	1.40%	1.00%	41.84%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	160.80	0.94%	0.70%	7.20%	50.14%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9890.00	-0.89%	1.00%	-4.70%	71.57%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	817.12	1.83%	1.00%	-13.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	863.93	1.53%	0.90%	-15.60%			
Nhôm	USD/ton	2476.00	0.71%	3.00%	-2.20%	54.61%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	189.91	3.11%	3.90%	-6.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	123.95	4.60%	10.10%	26.10%	97.06%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 30 US cent hay 0.4% lên 72.52 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 33 US cent hay 0.5% lên 70,29 USD/thùng.
- Số lượng người Mỹ xin trợ cấp thất nghiệp mới giảm trong tuần trước xuống mức thấp nhất trong gần 15 tháng trong khi giá tiêu dùng tăng vững trong tháng 5.
- Tổ chức các nước Xuất khẩu Dầu mỏ cho biết nhu cầu dầu sẽ tăng 6.6% hay 5.95 triệu thùng/ngày trong năm nay. Dự báo trong tháng này không đổi tháng thứ hai liên tiếp.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.3% lên 1,893.75 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn New York chốt phiên tại 1,895.5 USD/ounce.
- Số liệu cho thấy giá tiêu dùng của Mỹ tiếp tục tăng trong tháng 5 do sự phục hồi kinh tế đã thúc đẩy nhu cầu trong nước. Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp hàng tuần giảm xuống mức thấp nhất trong gần 15 tháng.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 0.7% lên 1,178 CNY (184.53 USD)/tấn. Quặng sắt kỳ hạn tháng 7 trên sàn Singapore tăng 2.1% lên 209.1 USD/tấn. Thép thanh kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 2.7%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 2.3%.
- Quặng sắt hàm lượng 62% Fe giao dịch ở mức 213 USD/tấn trong ngày 9/6.
- Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết họ đang rất chú ý tới những khó khăn và thách thức mà các công ty thương mại nước ngoài phải đối mặt về giá nguyên liệu thô, biến động tỷ giá và giá cước vận tải.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Osaka giảm 2.3 JPY hay 1% xuống 239.4 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Thượng Hải giảm 1.9% xuống 12,800 CNY/tấn.
- Giá bán buôn của Nhật Bản tăng 4.9% trong tháng 5 so với một năm trước, đánh dấu màn tăng giá mạnh nhất trong 13 năm. Điều này cho thấy chi phí hàng hóa tăng có thể ảnh hưởng tới các công ty đang dần thoát khỏi khó khăn từ đại dịch.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE tăng 1.5 US cent hay 1% lên 1.587 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn London tăng 3 USD hay 0.2% lên 1,585 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE giảm 0.07 US cent hay 0.4% xuống 17.66 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn London giảm 8.6 USD hay 1.9% xuống 454.7 USD/tấn. Số liệu cho thấy sản lượng đường từ khu vực trung nam Brazil đạt tổng cộng 2.62 triệu tấn trong nửa cuối tháng 5.

	11/6	% 11/6	10/6	% 10/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1351.74	2.13%	1323.58	-0.70%	-1.62%	6.51%
S&P 500			4239.18	0.47%	1.10%	1.21%
HĐTL S&P500	4228.25	-0.01%	4228.70	0.47%	0.24%	2.22%
Shang- hai	3589.75	-0.58%	3610.86	0.54%	-0.06%	3.67%
Euro Stoxx	4105.37	0.23%	4096.07	-0.02%	0.39%	4.00%

Phân tích kỹ thuật
BVH_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: BVH đang ở trong trạng thái hồi phục trở lại sau khi có quãng thời gian giảm giá trong 2 tháng trước đó. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn đang giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của BVH nằm tại khu vực 56-56.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 63.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 54.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

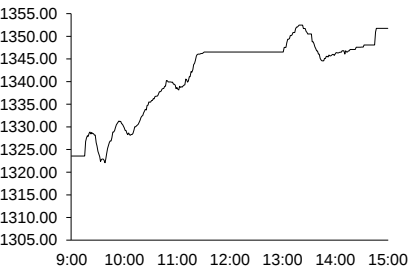
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	3.75%
Bảo hiểm	3.35%
Dầu khí	2.99%
Ngân hàng	2.82%
Du lịch và Giải trí	2.76%
Tài nguyên Cơ bản	2.61%
Công nghệ Thông tin	1.89%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.88%
Bất động sản	1.74%
Xây dựng và Vật liệu	1.52%
Hóa chất	1.51%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.44%
Bán lẻ	1.36%
Thực phẩm và đồ uống	0.99%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.88%
Truyền thông	0.87%
Y tế	0.63%
Ô tô và phụ tùng	0.59%
Viễn thông	0.00%

Hình 1

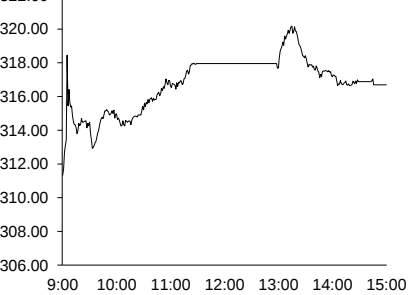
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

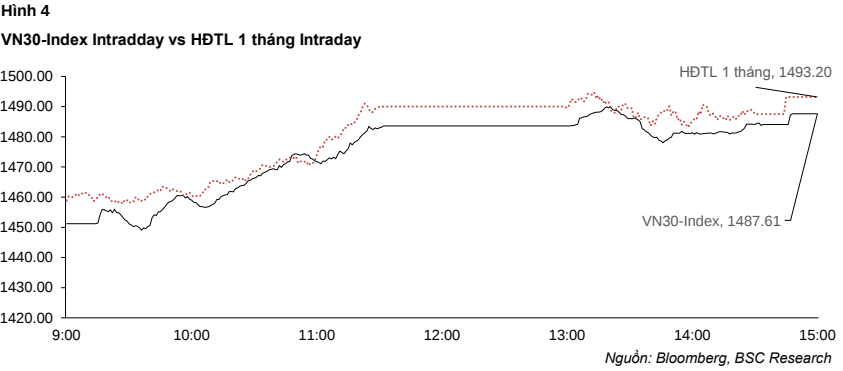
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	14	1	-1.41%	Có thể tiếp tục mua
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	13.75	2	4.96%	Có thể tiếp tục mua
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	21.3	3	0.47%	Có thể tiếp tục mua
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	34.4	7	-3.10%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	28.6	8	-0.87%	Có thể tiếp tục mua
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	10.4	9	0.00%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	27.05	11	-1.99%	Có thể tiếp tục mua
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	37.7	14	0.80%	Có thể tiếp tục mua
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	12.3	15	7.89%	Có thể tiếp tục mua
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	54.9	22	-5.99%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/19/2021	DRC	25.83	31.37	24.72	27.05	23	4.72%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32.7	38	2.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	36	44	1.41%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	TP	15	10.13%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/17/2021	VSC	51	57	48	TP	25	11.76%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	TP	25	23.64%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	TP	24	22.41%
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	TP	24	25.43%
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	FS	26	20.89%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	8	5	2.81%	-2.67%	0.70%	15
Cổ phiếu đã chốt	153	86	13.69%	-8.12%	5.84%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2106	1493.20	2.77%	5.59	-33.2%	230,017	6/17/2021	6
VN30F2107	1479.30	2.31%	-8.31	0.2%	1,035	7/15/2021	34
VN30F2109	1470.10	1.65%	-17.51	8.7%	75	9/16/2021	97
VN30F2112	1464.10	2.22%	-23.51	33.0%	117	12/16/2021	188

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +36.43 điểm, lên 1487.61 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, STB, HPG, CTG, MBB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực trong phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên chiều tích lũy quanh 1480-1485 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPDR2101	9/27/2021	108	5:1	254,400	38.12%	1,100	4,370	9.80%	1,164	3.75	94,388	88,888	87,400
CPDR2102	9/27/2021	108	5:1	185,100	38.12%	1,100	4,910	8.87%	1,411	3.48	94,499	88,999	87,400
CTCB2103	8/9/2021	59	2:1	550,700	37.30%	2,900	10,000	8.70%	8,689	1.15	41,300	35,500	52,600
CSTB2104	8/27/2021	77	1:1	67,200	46.38%	4,000	11,200	7.90%	8,036	1.39	26,900	22,900	30,500
CTCB2012	7/30/2021	49	1:1	152,300	37.30%	5,400	30,800	7.69%	30,740	1.00	27,400	22,000	52,600
CTCB2104	8/27/2021	77	2:1	90,700	37.30%	2,000	7,500	6.99%	4,074	1.84	49,800	45,800	52,600
CTCB2102	7/6/2021	25	2:1	260,100	37.30%	2,300	8,660	6.91%	8,358	1.04	40,600	36,000	52,600
CHPG2102	7/5/2021	24	1:1	22,900	36.07%	6,600	31,100	5.07%	12,231	2.54	34,996	30,144	53,100
CHPG2105	8/9/2021	59	2:1	433,800	36.07%	3,000	17,000	4.17%	5,778	2.94	48,000	42,000	53,100
CSTB2103	8/9/2021	59	2:1	215,300	46.38%	1,400	8,000	3.23%	6,320	1.27	20,800	18,000	30,500
CMBB2101	7/6/2021	25	2:1	236,800	36.34%	1,600	7,270	2.97%	6,742	1.08	29,200	26,000	39,400
CTCB2101	10/5/2021	116	1:1	122,500	37.30%	5,000	24,500	2.94%	11,734	2.09	36,000	31,000	52,600
CFPT2016	6/22/2021	11	5:1	332,300	30.40%	2,580	9,270	2.54%	6,714	1.38	54,137	43,034	83,500
CHPG2104	7/5/2021	24	3:1	84,200	36.07%	1,500	9,200	2.11%	2,831	3.25	36,247	32,938	53,100
CHPG2103	7/6/2021	25	2:1	150,900	36.07%	3,900	14,990	1.63%	5,622	2.67	36,614	30,879	53,100
CHPG2106	8/27/2021	77	2:1	112,100	36.07%	4,100	14,010	1.16%	2,680	5.23	42,937	36,908	53,100
CHPG2020	6/30/2021	19	1:1	24,700	36.07%	5,700	45,000	0.22%	27,164	1.66	23,307	19,116	53,100
CVHM2106	8/12/2021	62	10:1	403,000	31.19%	1,300	3,230	0.00%	168	19.25	131,668	118,668	106,000
CVPB2103	8/9/2021	59	2:1	114,800	36.48%	2,700	17,500	-0.91%	17,740	0.99	41,900	36,500	71,700
CVPB2015	7/30/2021	49	1:1	27,400	36.48%	5,600	45,400	-1.30%	45,865	0.99	31,600	26,000	71,700
Tổng				3,586,800	37.12%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 11/6/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CPNJ2101 và CMSN2101 tăng mạnh lần lượt là 10.31% và 10.04%. Giá trị giao dịch tăng 28.70%. CHPG2105 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.17% thị trường.
- CVPB2101, CVPB2103, CVPB2015, CTCB2012, và CTCB2102 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CVPB2015, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	137.0	1.3%	0.9	2,832	4.9	9,051	15.1	3.8	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	96.9	1.1%	1.0	958	1.4	4,974	19.5	3.8	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	57.3	3.2%	1.5	1,849	3.5	2,548	22.5	2.1	27.2%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	41.8	6.9%	0.5	406	0.4	3,809	11.0	1.3	54.6%	12.2%
VIC	Bất động sản	118.0	1.3%	0.7	17,353	8.8	2,174	54.3	5.0	14.1%	9.0%
VRE	Bất động sản	31.5	2.3%	1.1	3,112	5.8	1,175	26.8	2.4	30.4%	9.3%
VHM	Bất động sản	106.0	1.8%	1.0	15,160	17.7	7,874	13.5	3.8	22.6%	33.6%
DXG	Bất động sản	25.3	7.0%	1.3	569	22.2	(61)		2.0	32.3%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	50.1	6.6%	1.5	1,423	47.3	2,776	18.0	2.8	46.9%	16.2%
VCI	Chứng khoán	91.8	1.5%	1.0	665	9.7	5,703	16.1	3.1	21.7%	22.1%
HCM	Chứng khoán	39.4	3.3%	1.6	523	9.4	2,462	16.0	2.5	47.7%	16.4%
FPT	Công nghệ	83.5	2.0%	0.9	3,295	8.5	4,103	20.4	4.5	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	85.1	4.3%	0.4	1,012	0.2	5,165	16.5	4.9	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	87.0	1.0%	1.4	7,240	1.5	3,946	22.1	3.3	2.5%	14.9%
PLX	Dầu khí	54.0	2.9%	1.5	2,920	12.0	2,915	18.5	2.9	16.8%	16.8%
PVS	Dầu khí	28.2	4.8%	1.7	586	19.7	1,375	20.5	1.1	7.9%	5.4%
BSR	Dầu khí	19.3	4.9%	0.8	2,602	16.5	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	94.1	-0.4%	0.3	535	0.2	5,647	16.7	3.3	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	21.2	-1.4%	0.7	361	2.2	1,928	11.0	1.0	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	19.1	-0.5%	0.6	438	3.8	1,122	17.0	1.6	2.5%	9.4%
VCB	Ngân hàng	102.8	1.0%	1.1	16,577	9.1	5,709	18.0	3.8	23.3%	22.8%
BID	Ngân hàng	45.2	3.0%	1.3	7,904	12.4	2,048	22.1	2.3	16.7%	10.6%
CTG	Ngân hàng	52.9	6.9%	1.3	8,564	40.5	4,765	11.1	2.2	25.2%	20.9%
VPB	Ngân hàng	71.7	-0.1%	1.2	7,652	92.8	4,626	15.5	3.1	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	39.4	4.0%	1.2	4,794	42.5	3,612	10.9	2.1	21.7%	21.6%
ACB	Ngân hàng	34.7	1.6%	1.0	4,071	14.3	3,194	10.8	2.5	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	57.8	1.4%	0.7	206	0.2	6,160	9.4	2.0	82.5%	20.3%
NTP	Nhựa	49.4	1.0%	0.5	253	0.1	3,988	12.4	2.1	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	21.3	0.9%	0.7	1,018	0.8	39	546.2	1.7	10.1%	0.3%
HPG	Thép	53.1	2.9%	1.1	10,327	66.4	4,056	13.1	3.6	26.5%	31.3%
HSG	Thép	44.1	1.3%	1.4	852	18.2	5,405	8.1	2.4	8.2%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	92.0	-0.2%	0.7	8,360	11.7	4,682	19.7	6.1	54.7%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	164.1	2.6%	0.8	4,575	2.6	7,561	21.7	5.3	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	106.0	2.8%	0.9	5,414	8.1	1,281	82.7	7.7	32.8%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	21.3	-1.8%	1.2	572	3.5	1,131	18.8	1.7	8.7%	8.7%
ACV	Vận tải	72.0	3.2%	0.8	6,815	0.8	577	124.8	4.2	3.5%	3.4%
VJC	Vận tải	115.5	1.5%	1.1	2,720	4.0	2,256		4.1	18.4%	8.3%
HVN	Vận tải	28.5	5.6%	1.7	1,757	1.8	(9,327)		28.1	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	41.3	2.7%	1.0	541	5.5	1,246	33.2	2.1	40.8%	6.2%
PVT	Vận tải	20.3	4.4%	1.3	285	5.6	2,281	8.9	1.3	12.7%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	107.3	6.4%	1.0	746	4.6	8,479	12.7	4.1	3.9%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	28.3	1.1%	0.4	552	0.1	1,604	17.6	1.9	6.0%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.9	1.0%	0.9	263	0.4	1,566	10.1	1.1	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	62.8	1.6%	1.0	203	1.3	3,352	18.7	0.6	44.0%	3.0%
CII	Xây dựng	19.0	4.4%	0.5	197	2.5	56	341.5	1.0	25.3%	0.2%
REE	Điện	54.9	0.7%	-1.4	738	1.9	5,770	9.5	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	27.1	-1.1%	-0.4	225	0.5	2,371	11.4	1.3	11.0%	13.2%
POW	Điện	12.1	1.3%	0.6	1,227	3.8	1,037	11.6	1.0	3.1%	8.6%
NT2	Điện	19.6	1.6%	0.5	245	0.3	1,872	10.5	1.4	14.9%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	34.4	1.8%	1.0	703	5.4	1,639	21.0	1.6	19.9%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	52.0	4%	0.9	2,340	0.1			3.3	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	52.90	6.87	3.47	17.96MLN
TCB	52.60	4.99	2.40	29.60MLN
VHM	106.00	1.83	1.75	3.88MLN
BID	45.20	2.96	1.43	6.39MLN
VIC	118.00	1.29	1.39	1.73MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VNM	0.00	-0.12	2.94MLN	1.11MLN
SBT	0.00	-0.07	3.69MLN	607060
VPB	0.00	-0.07	30.02MLN	373600
VCG	0.00	-0.04	260600	192700
HPX	0.00	-0.03	822500	611640

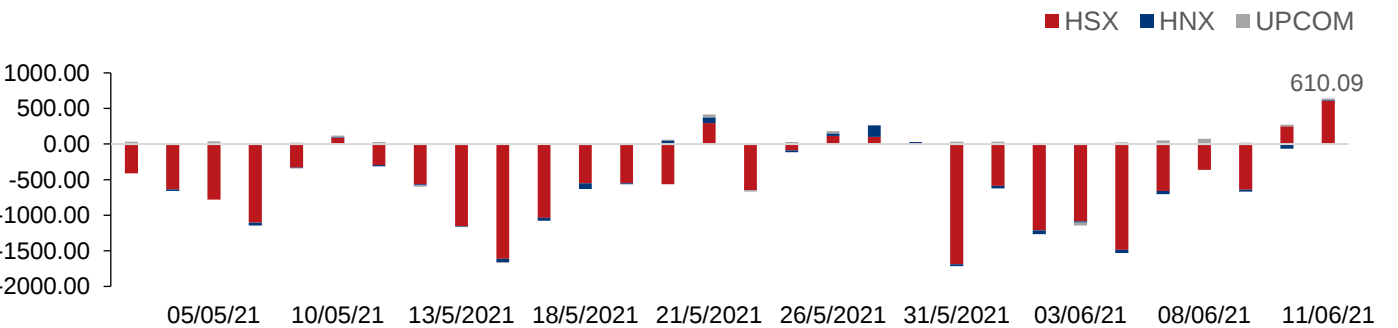
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVH	10.70	7.00	0.01	2.53MLN
DXG	25.25	6.99	0.24	20.79MLN
MIG	20.70	6.98	0.05	2.23MLN
HTL	17.65	6.97	0.00	3900
TN1	58.40	6.96	0.02	20800

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VMD	33.50	-6.94	-0.01	30400
SFC	24.25	-6.55	-0.01	2100
CLC	34.70	-6.22	-0.02	17200.00
UDC	6.05	-6.20	0.00	53600
SHP	19.55	-5.78	-0.03	33100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	34.7	3,194	10.8	2.5	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	72.0	577	124.8	4.2	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.0	600	16.7	0.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.4	-363		0.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	28.1	3,834	7.3	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	52.9	4,765	11.1	2.2	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	19.1	1122.1	17.0	1.6	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	72.6	5,505	13.2	3.0	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	125.0	7,653	16.3	4.3	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	21.2	1,928	11.0	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	27.1	2,379	11.4	1.8	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	25.3	-61		2.0	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	83.5	4,103	20.4	4.5	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	29.2	1,091	26.7	2.4	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	42.1	7,082	5.9	1.9	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	53.1	4,056	13.1	3.6	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	44.1	5,405	8.1	2.4	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.9	1,566	10.1	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.8	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	34.4	1,639	21.0	1.6	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.8	1,946	18.9	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	31.3			2.2	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	40.9	3,258	12.6	1.6	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	57.0	5,257	10.8	2.0	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	106.0	1,281	82.7	7.7	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	137.0	9,051	15.1	3.8	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	39.1	4,008	9.7	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.4	2,120	12.5	1.6	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	96.9	4,974	19.5	3.8	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.1	1,037	11.6	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	22.5	0	146.9	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	28.2	1,375	20.5	1.1	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	164.1	7,561	21.7	5.3	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.3	1,131	18.8	1.7	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	37.1	8272.5	4.5	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	52.6	4,074	12.9	2.3	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	102.8	5,709	18.0	3.8	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	46.8	4,166	11.2	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	18.0	570	31.6	1.5	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	44.2	3,837	11.5	1.5	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	106.0	7,874	13.5	3.8	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	92.0	4,682	19.7	6.1	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	71.7	4,626	15.5	3.1	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	31.5	1,175	26.8	2.4	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	102.9	4,060	25.3	7.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639